

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH LONG AN

Bản án số: 17/2017/HS-ST

Ngày: 18/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân.
2. Ông Võ Thành Trung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn V – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; Hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã T2, huyện T3, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Trần Văn T1, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị Thúy H, sinh năm 1978; Gia đình bị cáo có 03 anh em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Người bị hại: Trương Thị Yến P, sinh ngày 07/11/2003; Địa chỉ: Ấp 4, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho bà P: Ông Trương Văn P1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 4, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bị cáo, người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 23/3/2017, Nguyễn Văn T cùng với Đặng Hoàng V đưa máy cắt lúa đến kênh xáng Thủy Tân, thuộc ấp 4, xã Tân Tây để cắt lúa thuê. Tại đây, T quen biết Trương Thị Yến P. Hai bên thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Ngày 28/3/2017, V tổ chức uống rượu tại phà nơi đậu máy cắt lúa. T có điện thoại cho P đến chơi. Khoảng 18 giờ ngày 28/3/2017, T mượn xe mô tô biển số 66P1 64257 của V đến đón P. Tại phà, T, V, P và Nguyễn Văn B ngồi trên cabin phà uống bia. P nghỉ trước và vào trong cabin phà nằm. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T vào cabin phà sát nằm với P nhưng do là chỗ ngủ của V, V không cho T và P nằm nên T kêu P sang phà sát bên cạnh nơi T ngủ nằm, P đồng ý. Cả hai vào bên trong cabin phà sát bên cạnh ngủ. Đến khoảng 01 giờ ngày 29/3/2017, T và P tỉnh giấc, T cởi hết quần áo của P và T rồi thực hiện hành vi giao cấu với P. Sau khi giao cấu, cả hai tự mặc quần áo và tiếp tục ngủ. Đến khoảng 5 giờ ngày 29/3/2017, T mượn xe của V chở P về nhà P. Khi về gia đình P phát hiện việc T giao cấu với P nên trình báo chính quyền địa phương.

Theo bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 13/TD.17-PY ngày 04/4/2017 của Trung tâm pháp y Long An kết luận đối với Trương Thị Yến P như sau: Âm hộ có dấu xây xước ở vị trí 03 giờ, 06 giờ, 09 giờ. Màng trinh có vết rách cũ ở vị trí 03 giờ, dẫn rộng đứt lọt hai ngón tay dễ dàng.

Tại bản kết luận giám định số 1234/C54B ngày 22/6/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trong mẫu dịch âm đạo ghi thu của Trương Thị Yến P có xác tinh trùng người. Phân tích gen (AND) từ dấu vết tinh trùng này được kiểu gen trùng với kiểu gen của Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự, ông Trương Văn P1 là cha ruột của Trương Thị Yến P yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường danh dự, nhân phẩm và sức khỏe bị xâm phạm là 40.000.000 đồng, gia đình T đã bồi thường xong.

Tại bản cáo trạng số 20/KSĐT ngày 28/08/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã truy tố Nguyễn Văn T về tội: “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại khoản 1 Điều 115 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận cáo trạng truy tố không oan, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại Trương Thị Yến P xác định sau khi bị xâm hại thì sức khoẻ vẫn bình thường. Về trách nhiệm dân sự, ông P1 thừa nhận đã nhận 40.000.000đ, không yêu cầu bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự, ông P1 đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 115; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, do đã thỏa thuận giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại đều không tranh luận. Bị cáo có lời nói sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với kết quả giám định cũng như lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án nên có cơ sở xác định: Dù biết giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là phạm tội nhưng Nguyễn Văn T vẫn thực hiện hành vi giao cấu với Trương Thị Yến P một lần vào ngày 29/3/2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với trẻ em quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự nên cáo trạng số 20/KSĐT ngày 28/08/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã truy tố Nguyễn Văn T về tội Giao cấu với trẻ em theo khoản 1 Điều 115 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm hại đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của người chưa thành niên cũng như xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của con người. Khi thực hiện hành vi, bị cáo T nhận T được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện đến khi tội phạm hoàn thành.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Đã bồi thường khắc phục hậu quả xong; Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông ngoại là con liệt sĩ, bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà cố nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Phía bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, hiện nay với sự phát triển kinh tế xã hội dẫn đến điều kiện dinh dưỡng được cải thiện và nâng cao nên thể chất và sinh lý con người sớm phát triển và hoàn thiện. Thực tế là tại thời điểm bị xâm hại, người bị hại tuy chưa đủ 14 tuổi đã cao 1,50m và nặng 46kg. Trong khi đó, phía gia đình bị hại lại thiếu sự quan tâm, giáo dục giới tính cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên, bị cáo T là người từng bị xử phạt hành chính nên xem như nhân thân không tốt. Hiện nay, tình hình xâm hại đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của người chưa thành niên cũng như xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của con người diễn biến phức tạp. Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên phạt bị cáo T mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và ông P1 – cha ruột của Trương Thị Yến P đã thỏa thuận bồi thường xong với số tiền 40.000.000đ. Tại phiên tòa, ông P1 không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Giao cấu với trẻ em*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 115; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thanh Liêm